

UBND TỈNH THANH HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 915/BSM-KH&QLTT
V/việc chủ động ứng phó với bão số 9
(Ragara) trên địa bàn Công ty quản lý.

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 9 năm 2025

Kính gửi:

- Trưởng các Phòng Công ty;
- Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

Theo dự báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hồi 04 giờ ngày 23/9, vị trí tâm siêu bão ở vào khoảng 19,8 độ Vĩ Bắc; 118,8 độ Kinh Đông, trên vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm siêu bão mạnh cấp 17 (202-221km/giờ), giật trên cấp 17. Di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 20km/h. Từ đêm 24 đến rạng sáng 25 tháng 9 năm 2025, bão sẽ vượt qua đảo Lôi Châu (Trung Quốc) vào khu vực Vịnh Bắc Bộ với cường độ bão vẫn mạnh cấp 12-14, giật cấp 15-16 và dự báo trong ngày 25 tháng 9 bão có thể đổ bộ trực tiếp vào đất liền nước ta tại khu vực từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh. Từ đêm 24/9 đến ngày 26/9, ở khu vực Bắc Bộ, Thanh Hoá và Nghệ An có mưa to đến rất to với lượng mưa phổ biến 100-250mm, cục bộ có nơi trên 400mm. Thực hiện Công điện số 21/CD-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ động ứng phó với siêu bão Ragasa với tinh thần quyết liệt nhất, từ sớm, từ xa, chủ động các biện pháp ứng phó ở mức cao nhất, lường trước kịch bản xấu nhất, bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi và giảm thiểu thiệt hại do mưa lũ gây ra, Giám đốc công ty chỉ đạo như sau:

Các phòng, Chi nhánh theo dõi cập nhật thường xuyên các bản tin dự báo bão mới nhất về diễn biến của siêu bão Ragasa. Chủ động triển khai phương án ứng phó để xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra.

Kiểm tra máy móc, thiết bị, quay đo động cơ, đóng điện, vận hành chạy thử 100% tất cả các trạm bơm tiêu, tưới tiêu kết hợp và cống tiêu.

Rà soát các công trình xung yếu để đảm bảo an toàn toàn cho cơ sở hạ tầng thủy lợi và đường điện, có phương án ứng phó đảm bảo an toàn công trình. Đối với các công trình đang thi công, yêu cầu các nhà thầu thi công khơi thông dòng chảy, phá bỏ đê quai, ách tắc trên tuyến đảm bảo an toàn vận hành tiêu úng.

Các Chi nhánh chủ động phối hợp với UBND các xã, phường kiểm tra toàn bộ hệ thống kênh tiêu, trục tiêu, kênh nội đồng giải tỏa các ách tắc và tiêu nước đê. Đồng thời nhận định kịch bản xấu nhất có thể xảy ra để, chủ động triển khai công tác ứng phó phù hợp, kịp thời, hiệu quả.

Đặng Đình Tuấn

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG KÊNH TIÊU, TƯỚI TIÊU KẾT HỢP CHÍNH TRONG HỆ THỐNG

(Kèm theo Công văn số 915/BSM-KH&QLTT ngày 23/9/ 2025 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã)

TT	Tên Kênh	Chiều dài (km)	Diện tích (ha)	Lưu Lượng Q (m ³ /s)	Mức nước TK đầu kênh (m)	Mức nước hiện tại (m)	Chênh lệch	Hiện trạng công trình
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng cộng	258,70	68869,00	522,40				
I	Chi nhánh TL Hoàng Hoá	85,06	25881,00	207,72				
1	Sông ấu	11,800	3076	43,00				
5	Quý Khê	2,600	2330	9,60				
6	Kim Quý	1,700	338	1,83				
7	Phượng Quý	3,100	515	2,73				
8	Giang Quý	4,000	695	3,06				
9	Hợp Khê	3,050	567	3,00				
10	Giang Hợp	3,370	250	1,10				
11	S.Trà Giang	10,200	7120	91,00				
12	Lý Cát	5,170	780	4,00				
13	Sông Gông	13,240	4198	22,80				
14	Lộc Vinh	4,260	842	3,70				
15	Thành Châu	8,190	1720	7,70				
16	Phong Châu	6,780	730	3,20				
17	Trường Phụ	7,600	2720	11,00				
II	Chi nhánh TL Thành Phố	14,84	4250,00	19,43				
1	Long Minh	3,130	920	4,10				
2	Quang Minh	2,660	520	2,30				
3	H. Quang 1	1,180	830	3,67				
4	H. Quang 2	1,150	850	3,76				
5	Phù Quang	1,550	350	1,60				
6	Lý Cát	5,170	780	4,00				
III	Chi nhánh TL Hậu Lộc	54,950	18.306	91,01				
1	K. Chợ Dầu	3,120	3250	20,00				
2	Sông Trà Giang	17,590	4399	23,40				
3	K. Văn Xuân	4,520	660	2,90				
4	Tiến Triệu (Xuân Hội)	2,600	1720	7,50				
5	Kênh tân Cầu	3,100	2322	10,29				
6	Kênh 10 xã	7,700	1977	8,00				
7	K. Nhân Cầu	3,850	418	2,75				
8	Kênh Hồ Cứ	3,190	640	2,80				
9	K.Tiến Sơn	3,530	290	1,80				
10	Kênh 5 xã	5,750	2630	11,57				
IV	Chi nhánh TL Hà Trung	30,690	8810	141,88				
1	Lâm Ninh Phong	2,260	440	4,86				
2	Kênh chữ Z	4,700	680	5,50				
3	K. Hà Ngọc	2,830	793	7,26				
4	K. Thái Hải	5,400	1275	7,16				
5	Đông Quang	4,500	1150	9,30				
6	Kênh T2	2,500	1258	43,00				

7	Kênh T3	2,000	1714	29,80				
8	Kênh Chiều Bạch	6,500	1500	35,00				
9	Sông Hoạt							
V	Chi nhánh TL Nga Sơn	55,36	8920,00	45,21				
1	K. Hưng Long	14,498	1700	10,88				
2	K. Văn Thắng	4,250	1300	6,00				
3	K. Ngang Bắc	7,910	515	2,38				
4	K. Ngang Nam	4,450	490	2,25				
5	Văn Trường Thiện	5,600	280	2,00				
6	K. Sao Sa	4,750	800	3,70				
7	K. Giáp An Thái	2,950	1300	6,00				
8	K. Cầu Huyền	4,500	1085	5,00				
9	K. Hoa Tuệ	2,450	1000	5,00				
10	K. Đình Vịnh	4,000	450	2,00				
VI	Chi nhánh TL Bim Sơn	17,8	2.702	17				
1	K. Thanh Niên	8,40	1.372	8,00				
2	Kênh T1	2,50	250	1,45				
3	K. TB Phú Dương	2,90	332	2,10				
4	K. TB Đoài Thôn	2,50	506	4,20				
5	K. TB Tam Đa	1,50	242	1,40				

Chú ý: Hiện trạng công trình nêu rõ kênh đã nạo vét, dọn cỏ vớt bèo hay chưa, đảm bảo tiêu thoát nước không.

PHỤ LỤC 1: BẢNG CHI TIẾT NĂNG LỰC CÁC TRẠM BƠM TIÊU VÀ TƯỚI TIÊU KẾT HỢP
(Kèm theo Công văn số 915/BSM-KH&QLTT ngày 23/9/ 2025 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã)

TT	Tên trạm bơm	Số máy bơm - lưu lượng (Q m3/h)	Số máy bơm	Đóng điện	Chạy thứ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	TRẠM BƠM TIÊU	Tổng số TB: 14; Số máy: 77	77			
I	CN HOÀNG HÓA	Tổng số TB:1 ; Số máy: 4	4			
1	Đồng Trâm	4Mx2500 m3/h	4			
II	CN THÀNH PHỐ THANH HÓA	Tổng số TB: 3; Số máy:20	20			
1	Hoàng Lý	4Mx1400 m3/h	4			
2	H. Quang 1	8Mx2400 m3/h	8			
3	H. Quang 2	8Mx2400 m3/h	8			
III	CN HẬU LỘC	Tổng số TB: 2; Số máy: 5	5			
1	TB Phú Lộc	4M x 1400 m3/h	4			
2	TB Quyết thắng	1M x 1400 m3/h	1			
IV	CN HÀ TRUNG	Tổng số TB: 6; Số máy: 36	36			
1	Trạm bơm Xuân Áng	4Mx1400 m3/h	4			
2	Trạm bơm Đông Trung	3Mx1400 m3/h	3			
3	Trạm bơm Hà Tiến 2	3Mx1400 m3/h	3			
4	Trạm bơm Hà Giang 2	5Mx2400 m3/h	5			
5	Trạm bơm Hà Ngọc	7Mx3700 m3/h	7			
6	Trạm bơm Hà Hải	10x1800+4x2400 m3/h	14			
V	CN Nga Sơn	Tổng số TB:2; Số máy:12	12			
1	TB Nga Vịnh 2	3M x 1200m ³ /h + 2M x 1400m ³ /h	5			
2	TB Nam Nga Sơn	7M x 2500m ³ /h	7			
B	TB TƯỚI TIÊU KẾT HỢP	Tổng số TB: 22; Số máy: 117	117			
I	CN HOÀNG HÓA	Tổng số TB:4; Số máy: 22	22			
1	Hoàng Vinh1	8Mx1400 m3/h	8			
2	Hoàng Sơn 2	2Mx2500 m3/h	2			
3	Hoàng Phúc	3Mx1400 m3/h	3			
4	Nhân Trạch	9Mx2400 m3/h	9			
II	CN HẬU LỘC	Tổng số TB: 1; Số máy:2	2			
1	TB Tuy Lộc (TT)	2Mx1400 m3/h	2			
III	CN HÀ TRUNG	Tổng số TB: 9; Số máy: 49	49			
1	Trạm bơm Cống Phủ 1	7Mx2400 m3/h	7			
2	Trạm bơm Nhân Lý	3Mx1400 m3/h	3			
3	Trạm bơm Hà Yên 1	10Mx1500 m3/h	10			
4	Trạm bơm Hà Yên 2	2Mx1120 + 3Mx1400 m3/h	5			
5	Trạm bơm Đô Mỹ	3Mx1400 m3/h	3			
6	Trạm bơm Hà Tiến 1	7Mx2400 m3/h	7			
7	Trạm bơm Hà Bắc	5Mx2400 m3/h	5			
8	Trạm bơm Hà Giang 1	4Mx2400 m3/h	4			
9	Trạm bơm Cống Đá	5Mx1200 m3/h	5			
IV	CN Nga Sơn	Tổng số TB: 4 ; Số máy:26	26			
1	TB Xa Loan	6M x 4000m ³ /h	6			
2	TB Nga Thắng	10M x 2400m ³ /h	10			

3	TB Nga Thiện	6M x 2500m ³ /h	6			
4	TB Ba Đình	2M x 1120m ³ /h + 2M x 1400m ³ /h	4			
V	CN BỈM SON	Tổng số TB: 4; Số máy: 18	18			
1	Trạm bơm Đoàn Thôn	5Mx2500+2Mx1400 m ³ /h	7			
2	Trạm bơm Tam Đa	1Mx2500+2Mx1400 m ³ /h	3			
3	Trạm bơm Phú Dương	3Mx2500+2Mx1400 m ³ /h	5			
4	Trạm bơm Triết Giang	3Mx12500 m ³ /h	3			

Chú ý: Đã đóng điện chạy thử đánh dấu x, đóng điện lúc mấy giờ và quay đo nếu không đảm bảo thì ghi còn đảm bảo thì không ghi.